Phụ lục 1

DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 24/YC-TTYT ngày 16 tháng 8 năm 2024)

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
Danh mục 1: Vật tư y tế thông thường						
1	Băng bó bột	Băng bó bột kích thước >=7,5cm x 2,7m		Cuộn	1	
2	Băng bó bột	Băng bó bột kích thước >=10cm x 2,7m		Cuộn	1	
3	Băng bó bột	Băng bó bột kích thước >=15cm x 2,7m		Cuộn	1	
4	Băng keo dán sườn	Băng keo dán sườn kích thước 8cm x 4.5m		Cuộn	1	
5	Băng dính, băng keo	Dùng băng ngoài các vết thương , vết mổ trong phẫu thuật , cố định kim truyền, kim luồn…, kích thước 1,25cm x 5m		Cuộn	1	
6	Bông y tế	Bông y tế không thấm nước 1kg	Việt Nam	Kg	1	
7	Bông y tế	Bông y tế thấm nước 1kg	Việt Nam	Kg	1	
8	Bông y tế	Bông y tế thấm nước 25g	Việt Nam	Gói	1	
9	Dụng cụ chắn lưỡi, tạo đường thở (Airway)	Dụng cụ chắn lưỡi, tạo đường thở (Airway) các số			1	
10	Dao mổ phẫu thuật	Dao mổ phẫu thuật đã được tiệt trùng dùng 1 lần, mũi bầu, mũi thẳng, các số		Cái	1	
11	Ống thông (sond) hút đàm	Dây/ống thông (sond) hút đàm, có van kiểm soát, các cỡ, các số		Cái	1	
12	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối luer lock, độ dài của dây nối là >=140cm		Cái	1	
13	Dây thở oxy 2 nhánh các số	Dây thở oxy 2 nhánh các số	Việt Nam	Cái	1	
14	Kẹp rốn trẻ sơ sinh	Kẹp rốn sơ sinh, đã được tiệt trùng	Việt Nam	Cái	1	
15	Khoá 3 chia có dây	Khóa ba chia gắn với phần dây mở rộng kích thước 100cm		Cái	1	
16	Kim châm cứu vô trùng	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần các số, các cỡ		Cái	1	
17	Kim chích máu ngón tay	Kim chích máu ngón tay		Cái	1	
18	Kim gây tê tủy sống	Kim gây tê/ kim chọc dò tủy sống các số, các cỡ		Cái	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
19	Kim luồn tĩnh mạch	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh, có cổng bơm thuốc bổ sung, cơ chế đầu chụp bảo vệ sau khi sử dụng các số, các cỡ		Cái	1	
20	Lọ nhựa đựng mẫu bệnh phẩm	Lọ nhựa đựng mẫu 50ml, nắp đỏ, có nhãn	Việt Nam	Lọ	1	
21	Lọ nhựa đựng mẫu bệnh phẩm	Lọ nhựa đựng mẫu 50ml, nắp vàng, có nhãn	Việt Nam	Lọ	1	
22	Mặt nạ thở oxy có túi	Mặt nạ (mask) thở oxy có túi các cỡ		Cái	1	
23	Mặt nạ xông khí dung	Mặt nạ (mask) xông khí dung dùng để kết hợp cùng máy xông khí dung các cỡ		Cái	1	
24	Mặt nạ (mask) mũi miệng, dùng cho máy thở không xâm lấn, dùng nhiều lần	Mặt nạ (mask) mũi miệng, dùng cho máy thở không xâm lấn, dùng nhiều lần		Bộ	1	
25	Ống đựng bệnh phẩm các loại	Ống nghiệm Chimigly 2ml nắp xám, mous thấp	Việt Nam	Cái	1	
26	Ống đựng bệnh phẩm các loại	Ống nghiệm Citrate 3,8% 1ml nắp xanh lá, mous thấp	Việt Nam	Cái	1	
27	Ống đựng bệnh phẩm các loại	Ống nghiệm Citrate 3,8% 2ml nắp xanh lá, mous thấp	Việt Nam	Cái	1	
28	Ống đựng bệnh phẩm các loại	Ống nghiệm EDTA K3 2ml nắp xanh dương, mous thấp	Việt Nam	Cái	1	
29	Ống đựng bệnh phẩm các loại	Ống nghiệm Heparin lithium 2ml nắp đen, mous thấp	Việt Nam	Cái	1	
30	Ống đựng bệnh phẩm các loại	Ống nghiệm Serum hạt to nắp đỏ 6ml	Việt Nam	Cái	1	
31	Ống nội khí quản có bóng	Ống nội khí quản có bóng sử dụng một lần, có cản quang, các cỡ			1	
32	Ống thông (sond) dẫn lưu ổ bụng	Ống thông (sond) dẫn lưu ổ bụng các số		Cái	1	
33	Ống thông (sond) dạ dày	Ống thông (sond) dạ dày các số		Cái	1	
34	Ống thông (sond) tiểu 1 nhánh	Ống thông (sond) tiểu 1 nhánh các số		Cái	1	
35	Ống thông (sond) tiểu 2 nhánh	Ống thông (sond) tiểu 2 nhánh các số		Cái	1	
36	Ống thông (sond) tiểu 3 nhánh	Ống thông (sond) tiểu 3 nhánh các số		Cái	1	
37	Túi chứa nước tiểu	Túi chứa nước tiểu >=2000ml, có van xả, dây treo		Cái	1	
38	Túi đo lượng máu sau sinh	Túi đo lượng máu sau sinh >=2000ml		Cái	1	
39	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng		Bộ	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
40	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng		Bộ	1	
Danh mục 2: Băng, gạc y tế các loại, các cỡ						
1	Băng cuộn vô trùng	Băng cuộn 9cm x 2,5m vô trùng	Việt Nam	Cuộn	1	
2	Băng thun y tế	Băng thun y tế, 10cm x 3m	Việt Nam	Cuộn	1	
3	Gạc dẫn lưu 1cm x 300cm x 4 lớp	Gạc dẫn lưu vô trùng 1cm x 300cm x 4 lớp	Việt Nam	Cuộn	1	
4	Gạc meche phẫu thuật 3,5cm x 75cm x 6 lớp vô trùng	Gạc meche phẫu thuật 3,5cm x 75cm x 6 lớp vô trùng	Việt Nam	Miếng	1	
5	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp vô trùng cản quang	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp vô trùng cản quang	Việt Nam	Miếng	1	
6	Gạc phẫu thuật 7,5cm x 7,5cm x 8 lớp vô trùng	Gạc phẫu thuật 7,5cm x 7,5cm x 8 lớp vô trùng	Việt Nam	Miếng	1	
7	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng, không cản quang	Việt Nam	Miếng	1	
8	Gạc nội soi 2x30cmx6 lớp	Gạc nội soi 2cm x 30cm x 6 lớp	Việt Nam	Miếng	1	
9	Mũ giấy vô khuẩn	Mũ giấy vô khuẩn dùng 1 lần	Việt Nam	Cái	1	
Danh mục 3: Bơm kim tiêm, dây dẫn, dây truyền các loại, các số						
1	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	Việt Nam	Chiếc	1	
2	Bơm tiêm sử dụng một lần 3ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	Bơm tiêm sử dụng một lần 3ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	Việt Nam	Cái	1	
3	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	Việt Nam	Cái	1	
4	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	Việt Nam	Cái	1	
5	Bơm tiêm sử dụng một lần 50ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	Bơm tiêm sử dụng một lần 50ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	Việt Nam	Cái	1	
6	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động 50ml, đầu khóa vặn xoắn	Việt Nam	Cái	1	
7	Kim tiêm nhựa sử dụng một lần, kim các số, các cỡ	Kim tiêm nhựa sử dụng một lần, kim các số, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
8	Bộ dây truyền dịch	Bộ dây truyền dịch có bầu đếm giọt 20 giọt/ml, sử dụng một lần, có kim	Việt Nam	Bộ	1	
9	Bộ dây truyền dịch dùng trọng lực	Bộ dây truyền dịch dùng trọng lực, dài >=180cm, đường kính trong 3mm, bầu đếm giọt 2 ngăn	Việt Nam	Cái	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
Danh mục 4: Găng tay, khẩu trang y tế các loại						
1	Khẩu trang y tế 3 lớp	Khẩu trang y tế 3 lớp thông thường, đã tiệt khuẩn, có nẹp mũi	Việt Nam	Cái	1	
2	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số, các cỡ	Việt Nam	Đôi	1	
3	Găng tay cao su y tế	Găng tay cao su y tế, dài 240 mm, có bột, các số, các cỡ	Việt Nam	Đôi	1	
4	Găng tay cao su y tế	Găng tay cao su y tế, dài 240 mm, không bột, các số, các cỡ	Việt Nam	Đôi	1	
5	Găng sản khoa đã tiệt trùng	Găng tay sản khoa đã tiệt trùng dài 500mm, có bột, các số, các cỡ	Việt Nam	Đôi	1	
Danh mục 5: Vật tư thay thế, khung, đai, nẹp dùng trong chấn thương chỉnh hình và phục hồi chức năng						
1	Túi treo tay dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Túi treo tay dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
2	Áo cột sống dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Áo cột sống dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
3	Đai Desault dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Đai Desault dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
4	Đai xương đòn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Đai xương đòn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
5	Nẹp cẳng tay dài dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp cẳng tay dài dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
6	Nẹp cẳng tay gân duỗi dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp cẳng tay gân duỗi dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
7	Nẹp cẳng tay ngắn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp cẳng tay ngắn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
8	Nẹp cánh bàn tay dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp cánh bàn tay dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
9	Nẹp chống xoay dài dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp chống xoay dài dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
10	Nẹp chống xoay ngắn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp chống xoay ngắn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
11	Nẹp cổ cứng dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp cổ cứng dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
12	Nẹp cổ mềm dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp cổ mềm dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
13	Nẹp đùi dài dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp đùi dài dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
14	Nẹp đùi ngắn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp đùi ngắn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
15	Nẹp Iselin dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp Iselin dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
16	Nẹp ngón tay dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp ngón tay dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
17	Nẹp cẳng chân dài dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp cẳng chân dài dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
18	Nẹp cẳng chân ngắn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp cẳng chân ngắn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Việt Nam	Cái	1	
Danh mục 6: Chỉ y tế các loại, các cỡ						
1	Chỉ không tan tổng hợp (Nylon)	Chỉ không tan tổng hợp (Nylon) số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 26 mm	Việt Nam	Sợi	1	
2	Chỉ không tan tổng hợp (Nylon)	Chỉ không tan tổng hợp (Nylon) số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 26 mm	Việt Nam	Sợi	1	
3	Chỉ không tan tổng hợp (Nylon)	Chỉ không tan tổng hợp (Nylon) số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 19 mm	Việt Nam	Sợi	1	
4	Chỉ không tan tổng hợp (Nylon)	Chỉ không tan tổng hợp (Nylon) số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2, dài 20 mm	Việt Nam	Sợi	1	
5	Chỉ không tan tự nhiên (Silk)	Chỉ không tan tự nhiên (Silk) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2, dài 26 mm	Việt Nam	Sợi	1	
6	Chỉ không tan tự nhiên (Silk)	Chỉ không tan tự nhiên (Silk) số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 26 mm	Việt Nam	Sợi	1	
7	Chỉ không tan tự nhiên (Silk)	Chỉ không tan tự nhiên (Silk) số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2, dài 26 mm	Việt Nam	Sợi	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Chỉ không tan tự nhiên (Silk)	Chỉ không tan tự nhiên (Silk) số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 1/2, dài 26 mm	Việt Nam	Sợi	1	
9	Chỉ không tan tự nhiên (Silk)	Chỉ không tan tự nhiên (Silk) số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2, dài 26 mm	Việt Nam	Sợi	1	
10	Chỉ không tan tự nhiên (Silk)	Chỉ không tan tự nhiên (Silk) số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 16 mm	Việt Nam	Sợi	1	
11	Chỉ không tan tự nhiên (Silk)	Chỉ không tan tự nhiên (Silk) số 7/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 13 mm	Việt Nam	Sợi	1	
12	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut)	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut) số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2, dài 40 mm	Việt Nam	Sợi	1	
13	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut)	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2, dài 30 mm	Việt Nam	Sợi	1	
14	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut)	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut) số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2, dài 30 mm	Việt Nam	Sợi	1	
15	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut)	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut) số 3/0, dài 150cm, không kim	Việt Nam	Tép	1	
16	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut)	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut) số 4/0, dài 150cm, không kim	Việt Nam	Tép	1	
17	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut)	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut) số 7/0, dài 30 cm, kim tam giác 3/8, dài 12 mm	Việt Nam	Sợi	1	
18	Chỉ tan nhanh tự nhiên (Plain Catgut)	Chỉ tan nhanh tự nhiên (Plain Catgut) số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2, dài 26 mm	Việt Nam	Sợi	1	
19	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglactin 910	Chỉ tan tổng hợp đa sợi (Polyglactin 910) số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2, dài 40 mm	Việt Nam	Sợi	1	
20	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglactin 910	Chỉ tan tổng hợp đa sợi (Polyglactin 910) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2, dài 26 mm	Việt Nam	Sợi	1	
21	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglactin 910	Chỉ tan tổng hợp đa sợi (Polyglactin 910) số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2, dài 26 mm	Việt Nam	Sợi	1	
22	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglactin 910	Chỉ tan tổng hợp đa sợi (Polyglactin 910) số 6/0, dài 45 cm, kim tròn 1/2, dài 13 mm	Việt Nam	Sợi	1	
23	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglactin 910	Chỉ tan tổng hợp đa sợi (Polyglactin 910) số 10/0, dài 30 cm, kim hình thang 1/2, dài 6 mm	Việt Nam	Sợi	1	
24	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi từ Polypropylene	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 10/0, dài 15cm, kim tròn 3/8, dài 5 mm	Việt Nam	Sợi	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
25	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi từ Polypropylene	Chỉ không tan tổng hợp (Polypropylene) số 3/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2, dài 22 mm	Việt Nam	Sợi	1	
26	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi từ Polypropylene	Chỉ không tan tổng hợp (Polypropylene) số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2, dài 22 mm	Việt Nam	Sợi	1	
Danh mục 7: Que thử/ Khay thử dùng trong xét nghiệm các loại						
1	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV		Test	1	
2	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HBsAg	Que thử sử dụng để phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg		Test	1	
3	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Dengue NS1	Que thử sử dụng để phát hiện định tính kháng nguyên Dengue NS1		Test	1	
4	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV		Test	1	
5	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HAV	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HAV		Test	1	
6	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HBeAg	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HBeAg		Test	1	
7	Que thử xét nghiệm định tính HCG	Que thử xét nghiệm định tính HCG		Test	1	
8	Test thử xét nghiệm kháng thể kháng liên cầu O (ASO)	Test thử dùng để phát hiện kháng thể kháng liên cầu O (ASO) dựa trên nguyên tắc ngưng kết		Test	1	
9	Test phát hiện H.Pylori có trong bệnh phẩm nội soi dạ dày	Test phát hiện H.Pylori có trong bệnh phẩm nội soi dạ dày		Test	1	
10	Test phát hiện sự có mặt của các chất gây nghiện (THC-MET-AMP-MOP) có trong nước tiểu	Test phát hiện sự có mặt của các chất gây nghiện (THC-MET-AMP-MOP) có trong nước tiểu		Test	1	
11	Que thử định lượng nồng độ HbA1c trong máu	Que thử định lượng nồng độ HbA1c trong máu, sử dụng tương thích với máy Standard™ A1cCare Analyzer hiện có		Test	1	
12	Que thử đường huyết	Que thử đường huyết, sử dụng tương thích với máy VivaChek Ino hiện có		Test	1	
13	Que thử xét nghiệm nước tiểu	Que thử xét nghiệm nước tiểu 10 thông số, sử dụng tương thích với máy SD Urometer 10 hiện có		Test	1	
Danh mục 8: Đinh, nẹp, vít, vật tư hỗ trợ dùng trong phẫu thuật ngoại khoa						

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Nẹp khóa nén ép bản hẹp, vít 4.5mm	Nẹp khóa nén ép bản hẹp, chất liệu thép không rỉ, vít 4.5mm, 6/7/8 lỗ		Cái	1	
2	Nẹp khóa nén ép bản nhỏ, vít 3.5mm	Nẹp khóa nén ép bản nhỏ, chất liệu thép không rỉ, vít 3.5mm, 6/7/8 lỗ		Cái	1	
3	Nẹp khóa nén ép bản rộng, vít 4.5mm	Nẹp khóa nén ép bản rộng, chất liệu thép không rỉ, vít 4.5mm, 6/7/8 lỗ		Cái	1	
4	Nẹp khóa xương đòn có móc, vít 3.5mm	Nẹp khóa xương đòn có móc, chất liệu thép không rỉ, vít 3.5mm, 6/7/8 lỗ		Cái	1	
5	Nẹp khóa xương đòn, trước trên, vít 3.5mm, trái/ phải	Nẹp khóa xương đòn, trước trên, , chất liệu thép không rỉ, vít 3.5mm, trái/ phải, 6/7/8 lỗ		Cái	1	
6	Nẹp xương đòn chữ S, vít 3.5mm, trái/ phải	Nẹp xương đòn chữ S, chất liệu thép không rỉ, vít 3.5mm, trái/ phải, 6/7/8 lỗ		Cái	1	
7	Nẹp mắt xích/nẹp tái tạo, vít 3.5mm	Nẹp mắt xích/nẹp tái tạo, chất liệu thép không rỉ, vít 3.5mm, rộng 10mm ± 0.2mm, 6/7/8 lỗ		Cái	1	
8	Nẹp khóa chữ T đầu dưới xương quay, vít 3.5mm	Nẹp khóa chữ T đầu dưới xương quay, chất liệu thép không rỉ, vít 3,5mm, 6/7/8 lỗ		Cái	1	
9	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay, vít 3.5mm	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay, chất liệu thép không rỉ, vít 3,5mm, 6/7/8 lỗ		Cái	1	
10	Vít khóa đa hướng 3.5mm, tự tạo ren, lỗ vặn ngôi sao	Vít khóa đa hướng 3.5mm, tự tạo ren, lỗ vặn ngôi sao, dài 6-70mm, bước tăng 2mm		Cái	1	
11	Vít vỏ xương 2.0mm, lỗ vặn lục giác	Vít vỏ xương 2.0mm, lỗ vặn lục giác, dài 6-20mm, bước tăng 2mm		Cái	1	
12	Vít vỏ xương 2.7mm, lỗ vặn lục giác	Vít vỏ xương 2.7mm, lỗ vặn lục giác, dài 6-30mm, bước tăng 2mm		Cái	1	
13	Vít vỏ xương 3.5mm	Vít vỏ xương 3.5mm, lỗ vặn lục giác, bước tăng 2mm		Cái	1	
14	Vít vỏ xương 4.5mm	Vít vỏ xương 4.5mm, lỗ vặn lục giác, bước tăng 2mm		Cái	1	
15	Vít xương xốp 6.5mm, 32mm ren, lỗ vặn lục giác	Vít xương xốp 6.5mm, lỗ vặn lục giác, 32mm ren, bước tăng 5mm		Cái	1	
16	Vít xương xốp 4.0mm, ren bán phần, lỗ vặn lục giác	Vít xương xốp 4.0mm, ren bán phần, lỗ vặn lục giác, bước tăng 2mm		Cái	1	
17	Lưới điều trị thoát vị	Lưới điều trị thoát vị kích thước 6,4cm x 11,4cm, thành phần Polypropylene.		Miếng	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
Danh mục 9: Phim X-Quang tương thích với Hệ thống xử lý hình ảnh X-Quang số hóa CR- Fujifilm, máy in phim khô Drypix Lite (Drypix 2000)						
1	Phim dùng cho chụp X-quang y tế	Phim X-Quang kích thước 20cm x 25cm tương thích với Hệ thống xử lý hình ảnh X-Quang số hóa CR- Fujifilm, máy in phim khô Drypix Lite (Drypix 2000) hiện có		Tờ	1	
Danh mục 10: Hóa chất sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240 và máy KENZA 240TX						
1	Hoá chất định lượng Acid Uric	Hoá chất định lượng Acid Uric	Châu Âu	ml	1	
2	Hoá chất định lượng Amylase	Hoá chất định lượng Amylase	Châu Âu	ml	1	
3	Hoá chất định lượng AST	Hoá chất định lượng AST	Châu Âu	ml	1	
4	Hoá chất định lượng ALT	Hoá chất định lượng ALT	Châu Âu	ml	1	
5	Hoá chất định lượng Ethanol	Hoá chất định lượng Ethanol	Châu Âu	ml	1	
6	Hóa chất nội kiểm (quality control) Ethanol các mức	Hóa chất nội kiểm (Quality control) Ethanol các mức	Châu Âu	ml	1	
7	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) Ethanol	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) Ethanol	Châu Âu		1	
8	Hoá chất định lượng Bilirubin toàn phần	Hoá chất định lượng Bilirubin toàn phần	Châu Âu	ml	1	
9	Hoá chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hoá chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Châu Âu	ml	1	
10	Hoá chất định lượng Calci toàn phần	Hoá chất định lượng Calci toàn phần	Châu Âu	ml	1	
11	Hoá chất định lượng Cholesterol	Hoá chất định lượng Cholesterol	Châu Âu	ml	1	
12	Hoá chất định lượng Creatinine	Hoá chất định lượng Creatinine	Châu Âu	ml	1	
13	Hoá chất định lượng CK-MB	Hoá chất định lượng CK-MB	Châu Âu	ml	1	
14	Hóa chất nội kiểm (quality control) CK-MB các mức	Hóa chất nội kiểm (Quality control) CK-MB các mức	Châu Âu		1	
15	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) CK-MB	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) CK-MB	Châu Âu		1	
16	Hoá chất định lượng CRP	Hoá chất định lượng CRP	Châu Âu	ml	1	
17	Hóa chất nội kiểm (quality control) CRP các mức	Hóa chất nội kiểm (Quality control) CRP các mức	Châu Âu	ml	1	
18	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) CRP	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) CRP	Châu Âu	ml	1	
19	Hoá chất định lượng Gamma	Hoá chất định lượng Gamma	Châu Âu	ml	1	
20	Hoá chất định lượng Glucose	Hoá chất định lượng Glucose	Châu Âu	ml	1	
21	Hoá chất định lượng HDL-Cholesterol	Hoá chất định lượng HDL-Cholesterol	Châu Âu	ml	1	
22	Hóa chất nội kiểm (quality control) HDL-Cholesterol các mức	Hóa chất nội kiểm (Quality control) HDL-Cholesterol các mức	Châu Âu		1	
23	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) HDL-Cholesterol	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) HDL-Cholesterol	Châu Âu		1	
24	Hoá chất định lượng LDL-Cholesterol	Hoá chất định lượng LDL-Cholesterol	Châu Âu		1	
25	Hóa chất nội kiểm (quality control) LDL-Cholesterol các mức	Hóa chất nội kiểm (Quality control) LDL-Cholesterol các mức	Châu Âu		1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
26	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) LDL-Cholesterol	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) LDL-Cholesterol	Châu Âu		1	
27	Hoá chất định lượng Triglycerides	Hoá chất định lượng Triglycerides	Châu Âu	ml	1	
28	Hoá chất định lượng Urea	Hoá chất định lượng Urea	Châu Âu	ml	1	
29	Hoá chất hiệu chuẩn (Calibration) máy sinh hóa	Hoá chất hiệu chuẩn (Calibration) máy sinh hóa	Châu Âu	ml	1	
30	Hóa chất nội kiểm (Quality control) máy sinh hóa các mức	Hóa chất nội kiểm (Quality control) máy sinh hóa các mức	Châu Âu	ml	1	
31	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá	Châu Âu	ml	1	
Danh mục 11: Hoá chất sử dụng tương thích với máy miễn dịch TITIN (IN015-EC), Monobind Inc - Mỹ						
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Free Triidothyronine (fT3)	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Free Triidothyronine (fT3), bộ >=96 test		Bộ	1	
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Free Thyroxine (fT4)	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Free Thyroxine (fT4), bộ >=96 test		Bộ	1	
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Thyrotropin (TSH)	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Thyrotropin (TSH), bộ >=96 test		Bộ	1	
Danh mục 12: Hoá chất sử dụng tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K và Celltac G MEK-9100						
1	Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học 18 thông số	Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số, can >=18 lít. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	Nhóm nước G7	Can	1	
2	Dung dịch ly giải dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số	Dung dịch ly giải dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số, can >=500ml. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	Nhóm nước G7	Can	1	
3	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số; thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether; can >=5 lít. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	Nhóm nước G7	Can	1	
4	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số; thành phần: dung dịch Natri hypoclorit; can >=5 lít. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	Nhóm nước G7	Can	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
5	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 18 thông số mức bình thường	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 18 thông số mức bình thường, lọ >=2ml. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	Nhóm nước G7	Lọ	1	
6	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 18 thông số mức thấp	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 18 thông số mức thấp, lọ >=2ml. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	Nhóm nước G7	Lọ	1	
7	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 18 thông số mức cao	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 18 thông số mức cao, lọ >=2ml. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	Nhóm nước G7	Lọ	1	
8	Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học 18 thông số	Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số, can >=18 lít. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	Nhóm nước G7	Can	1	
9	Dung dịch ly giải dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số	Dung dịch ly giải dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số. Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương. Dung tích: >=250ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	Nhóm nước G7	Can	1	
10	Dung dịch ly giải dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số	Dung dịch ly giải dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số. Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm. Dung tích: >=250ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	Nhóm nước G7	Can	1	
11	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số. Thành phần: ethylene glycol monophenyl ether. Dung tích: >= 2000ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	Nhóm nước G7	Can	1	
12	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số. Thành phần: Natri hypoclorit. Dung tích: >=45ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	Nhóm nước G7	Can	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
13	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 33 thông số mức bình thường	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 33 thông số mức bình thường, lọ >=3ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	Nhóm nước G7	Lọ	1	
14	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 33 thông số mức thấp	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 33 thông số mức thấp, lọ >=3ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	Nhóm nước G7	Lọ	1	
15	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 33 thông số mức cao	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 33 thông số mức cao, lọ >=3ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	Nhóm nước G7	Lọ	1	
Danh mục 13: Hoá chất sử dụng tương thích với máy đông máu bán tự động Coa-DATA 504						
1	Hóa chất định lượng thời gian đông máu PT	Hóa chất định lượng thời gian đông máu PT, dung tích: >=4ml. Tương thích với máy đông máu bán tự động Coa-DATA 504		Lọ	1	
2	Hóa chất định lượng thời gian đông máu APTT	Hóa chất định lượng thời gian đông máu APTT, dung tích >=4ml. Tương thích với máy đông máu bán tự động Coa-DATA 504		Lọ	1	
3	Hóa chất Dung môi phản ứng đông máu để định lượng APTT	Hóa chất Dung môi phản ứng đông máu để định lượng APTT, dung tích >=4ml. Tương thích với máy đông máu bán tự động Coa-DATA 504		Lọ	1	
4	Hóa chất định lượng đông máu Fibrinogen	Hóa chất định lượng đông máu Fibrinogen, dung tích: >=121ml. Tương thích với máy đông máu bán tự động Coa-DATA 504		Hộp	1	
5	Giếng phản ứng và bi từ máy xét nghiệm đông máu bán tự động	Giếng phản ứng và bi từ máy xét nghiệm đông máu bán tự động. Tương thích với máy đông máu bán tự động Coa-DATA 504		Cái	1	
Danh mục 14: Hoá chất sử dụng tương thích với máy điện giải JOKOH EX-DS						
1	Hóa chất xét nghiệm điện giải đồ	Hóa chất xét nghiệm điện giải 3 chỉ số cơ bản: Natri, Kali, Cloride. Dung dịch 1		Can	1	
2	Hóa chất xét nghiệm điện giải đồ	Hóa chất xét nghiệm điện giải 3 chỉ số cơ bản: Natri, Kali, Cloride. Dung dịch 2		Can	1	
3	Hóa chất rửa máy	Hóa chất rửa máy		Chai	1	
Danh mục 15: Hoá chất sử dụng tương thích với máy huyết học ABX Micro ES60 và thuốc thử nhóm máu						

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Dung dịch enzym sử dụng để làm sạch máy đếm tế bào máu	Dung dịch enzym sử dụng để làm sạch máy đếm tế bào máu, chai >=1 lít. Tương thích với máy huyết học ABX Micro ES60		Hộp	1	
2	Dung dịch hóa học sử dụng để làm sạch máy đếm tế bào máu	Dung dịch hóa học sử dụng để làm sạch máy đếm tế bào máu, chai >=0,5 lít. Tương thích với máy huyết học ABX Micro ES60		Hộp	1	
3	Dung dịch đệm đẳng trương sử dụng để đếm các tế bào máu và đohematocrit trên máy đếm tế bào máu	Dung dịch đệm đẳng trương sử dụng để đếm các tế bào máu và đohematocrit trên các máy đếm tế bào máu, can >=10 lít. Tương thích với máy huyết học ABX Micro ES60		Hộp	1	
4	Dung dịch ly giải sử dụng để ly giải hồng cầu (RBC) cho việc đếm bạch cầu (WBC) và phân loại bạch cầu và xác định hemoglobin trên máy đếm tế bào máu	Dung dịch ly giải sử dụng để ly giải hồng cầu (RBC) cho việc đếm bạch cầu (WBC) và phân loại bạch cầu và xác định hemoglobin trên các máy đếm tế bào máu, chai >=1 lít. Tương thích với máy huyết học ABX Micro ES60		Hộp	1	
Danh mục 16: Vật tư y tế phục vụ Chạy thận nhân tạo						
1	Kim tĩnh mạch chạy thận nhân tạo 16G	Kim chạy thận nhân tạo A/V 16G: *Chất liệu: Thép không gỉ SUS 304. Chất liệu dây nối: Polyvinyl clorua mềm dẻo không chứa DEHP và LATEX. *Kích cỡ: 1,6 X 25 X 300 mm		Cái	1	
2	Kim tĩnh mạch chạy thận nhân tạo 17G	Kim chạy thận nhân tạo A/V 17 G: *Chất liệu: Thép không gỉ SUS 304. Chất liệu dây nối: Polyvinyl clorua mềm dẻo không chứa DEHP và LATEX. *Kích cỡ: 1,4 X 20 X 300 mm		Cái	1	
3	Bộ dây chạy thận nhân tạo	Kích thước đoạn dây động mạch gắn bơm máu (đường kính trong 8 x đường kính ngoài 12 x chiều dài 420 mm), một bộ có: Dây điều chỉnh mực nước (level line),Dây đo áp lực động mạch,Dây đo áp lực tĩnh mạch, Bầu động mạch, bầu tĩnh mạch có kèm lọc, Dây máu, 4 khóa dây loại lớn, Đầu nối để chạy quẩn, Đầu nối đoạn dây bơm máu, Vị trí bơm thuốc chữ T, Túi xả 2000 ml, 2 transducers, dây truyền dịch		Bộ	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	Quả lọc thận nhân tạo hệ số siêu lọc thấp	Màng lọc thận lowflux, chất liệu polysulfon, diện tích bề mặt 1.5m2 , tiệt khuẩn tia Gamma		Cái	1	
5	Catheter tĩnh mạch trung tâm lọc máu 2 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng không chứa DEHP; dài 20 cm		Bộ	1	
6	Gạc chạy thận nhân tạo	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016		Cái	1	
7	Phin lọc khí	Đầu nối bảo hộ/Phin lọc khí, Đóng gói vô trùng từng cái rất an toàn trước khi sử dụng, Hệ thống QMS của sản phẩm đạt tối thiểu EN ISO 13485:2016		Cái	1	
8	Dung dịch làm sạch và khử trùng mức độ cao màng lọc thận nhân tạo	Thành phần dung dịch chứa: Peracetic acid: 5%; Hydrogen Peroxide: 25%; Acetic Acid: 9%; Nước: 61%. Công dụng: làm sạch và khử trùng màng lọc thận nhân tạo.		Can	1	
9	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao máy chạy thận nhân tạo	1000 ml chứa 500 gam Acid citric khan. Tác dụng: làm sạch, khử Can- xi và khử trùng nhiệt máy chạy thận nhân tạo; diệt vi khuẩn, nấm, lao và virut (bao gồm HBV, HCV và HIV) ở 83 độ C thời gian khử khuẩn 15 phút		Can	1	
10	Test thử hóa chất tồn dư peroxide	Que thử nồng độ của peroxide còn tồn dư trong đường dịch thẩm phân hoặc quả lọc sau khi khử khuẩn bằng các chất khử khuẩn axit paracetic hoặc peroxide		Cái	1	
11	Test thử nồng độ axit peracetic	Que thử nồng độ của axit peracetic trong dung dịch sát khuẩn quả lọc		Cái	1	
12	Test thử kiểm tra độ cứng của nước	Có thể kiểm tra nước với các nồng độ tối thiểu: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm. Thời gian nhúng: 1 giây Thời gian đọc kết quả: 10 giây		Cái	1	
13	Test thử kiểm tra tồn dư Chlorine	Có thể kiểm tra nước với các nồng độ tối thiểu: 0, 0.1, 0.5 và 3ppm Thời gian nhúng và đọc kết quả: 30 giây		Cái	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
14	Chất khử trùng Javel (Hypochlorite NaOCl) 10%	Chất khử trùng Javel (Hypochlorite NaOCl) 10%		Lít	1	
Danh mục 17: Khí y tế						
1	Khí Oxy y tế	Khí Oxy y tế	Việt Nam	Chai	1	
2	Khí CO2 y tế	Khí CO2 y tế	Việt Nam	Kg	1	
Danh mục 18: Hóa chất, vật tư nha khoa						
1	Vật liệu trám răng	Thành phần Acid phosphoric H3P04 37%.Vật liệu dùng trong kỹ thuật soi mòn. Hộp 5 ống x 5ml		Ống	1	
2	Vật liệu trám răng tạm thời dùng trong nha khoa	Zinc Oxide. Lọ 50gram. Dùng làm vật liệu trám răng tạm thời sau khi điều trị		Lọ	1	
3	Vật liệu trám răng	Calcium Hydroxide là vật liệu trám bít tạm ống tủy dạng bột tinh khiết. Hộp 50gram		Lọ	1	
4	Vật liệu trám răng tạm thời dùng trong nha khoa	Ceivitron (30Gr/Lọ). Dùng làm vật liệu trám răng tạm thời sau khi điều trị		Lọ	1	
5	Vật liệu trám răng tạm thời dùng trong nha khoa	Eugenol là dung dịch chất lỏng. Dùng làm vật liệu để trộn dùng trám răng tạm thời sau khi điều trị		Lọ	1	
6	Vật liệu trám răng Composite Z250 đặc, màu A2	Vật liệu trám răng Composite Z250 đặc, màu A2		Ống	1	
7	Vật liệu trám răng DenFil màu A2; A3; A3,5 hoặc tương đương	Composite đặc. Vật liệu trám bít các lỗ hỏng trên răng. Ống 4gram		Ống	1	
8	Kim nha khoa 27G (21mm)	Kim nha khoa 27G (21mm)		Cái	1	
9	Keo dán Nano 2 bước Single Bond 2	Keo dán Nano 2 bước Single Bond 2 3M hoặc tương đương		Lọ	1	
10	Cement trám Fuji 9 (Fuji IX)	Cement trám Fuji 9 (Fuji IX) hoặc tương đương. Hộp 15g:8ml		Hộp	1	
11	Ống hút nha/ Ống hút nước bọt	Kích thước: ống 3 mm - chiều dài 140 mm. 100 ống/ gói		Gói	1	
12	Ống hút phẫu thuật nha khoa	Ống hút phẫu thuật TPC được làm bằng nhựa màu trắng. Đầu ống hút được vót cong, thu nhỏ để có thể hút được dịch máu ở những góc hẹp trong khoang miệng. 25 ống/ gói		Gói	1	
13	Bông cầm máu tự tiêu trong phẫu thuật	Kích thước : 80 x 50 x 10 (mm) - Làm bằng vật liệu gelatin, có cấu trúc xốp nên nó sẽ tự tiêu hoàn toàn. 10 miếng trong 1 hộp. SURGISPON hoặc tương đương		Hộp	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
14	Trâm nội nha Reamer	Reamer (ký hiệu: tam giác) dùng sửa soạn, mở rộng ống tủy, số 10 dài 21mm		Vỉ	1	
15	Trâm nội nha Reamer	Reamer (ký hiệu: tam giác) dùng sửa soạn, mở rộng ống tủy, số 15 dài 21mm		Vỉ	1	
16	Trâm nội nha H – File	Trâm H-flie được làm bằng thép không gỉ, số 20 dài 21mm. Mani-Nhật Bản hoặc tương đương		Vỉ	1	
17	Trâm nội nha H- File	Trâm H-flie được làm bằng thép không gỉ, đủ số (45,50,55,60,70,80) dài 21mm. Mani-Nhật Bản hoặc tương đương		Vỉ	1	
18	Trâm nội nha H- File	Trâm H-flie được làm bằng thép không gỉ, đủ số (45,50,55,60,70,80) dài 25mm. Mani-Nhật Bản hoặc tương đương		Vỉ	1	
19	Trâm nội nha K – File	Trâm K-flie được làm bằng thép không gỉ, đủ số (15,20,25,30,35,40) dài 21 mm. Mani-Nhật Bản hoặc tương đương		Vỉ	1	
20	Trâm nội nha K – File	Trâm K-flie được làm bằng thép không gỉ, đủ số (15,20,25,30,35,40) dài 25 mm. Mani-Nhật Bản hoặc tương đương		Vỉ	1	
21	Côn Chính Gutta Percha	Giúp trám bít ống tủy, đủ số (15,20,25,30,35,40). Hàn Quốc hoặc tương đương		Hộp	1	
22	Côn Chính Gutta Percha	Giúp trám bít ống tủy, đủ số (45,50,55,60,70,80). Hàn Quốc hoặc tương đương		Hộp	1	
23	Côn phụ D	Giúp trám bít ống tủy. Hàn Quốc hoặc tương đương		Hộp	1	
24	Côn giấy	Côn giấy đủ số (15,20,25,30,35,40). Hàn Quốc hoặc tương đương		Hộp	1	
25	Côn giấy	Côn giấy đủ số (45,50,55,60,70,80). Hàn Quốc hoặc tương đương		Hộp	1	
26	Dung dịch ngâm dụng cụ Hexanios	Dung dịch ngâm dụng cụ Hexanios hoặc tương đương. Can 5 lít		Can	1	
27	Sò đánh bóng	Sò đánh bóng để đánh bóng cạo vôi, không chứa gluten, hộp 200 sò. Acclean hoặc tương đương		Hộp	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
28	Chổi cước đánh bóng	Công dụng đánh bóng cạo vôi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác, hộp 144 cái		Hộp	1	
Danh mục 19: Các loại hóa chất, vật tư khác						
1	Cốc đựng mẫu dùng cho máy sinh hoá	Cốc đựng mẫu dùng cho máy sinh hoá, kích thước 16x38mm		Cái	1	
2	Dung dịch Lugol dùng trong sản khoa	Dung dịch Lugol 3% -500ml dùng trong sản khoa		Chai	1	
3	Acid acetic dùng trong sản khoa	Acid acetic 3%- 500ml dùng trong sản khoa		Chai	1	
4	Que + ống lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm phụ khoa	Que + ống lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm phụ khoa		Bộ	1	
5	Băng keo chỉ thị màu	Băng keo chỉ thị màu		Cuộn	1	
6	Đầu col vàng có khía	Đầu col vàng có khía, kích thước: 0-200ul		Cái	1	
7	Đầu col xanh có khía	Đầu col màu xanh có khía, kích thước: 0-1000ul		Cái	1	
8	Đầu col xanh có lọc có giá đựng	Đầu col xanh có lọc có giá đựng, Kích thước: 0-1000ul		Cái	1	
9	Điện cực dán điện tim	Điện cực dán điện tim		Cái	1	
10	Đè lưỡi gỗ	Đè lưỡi gỗ		Cái	1	
11	Bình dẫn lưu vết thương (áp lực âm)	Bình dẫn lưu vết thương (áp lực âm) 400ml, có trocar và ống dẫn lưu đi kèm		Cái	1	
12	Bao camera nội soi	Bao camera nội soi, có vòng nhựa		Cái	1	
13	Bao dây đốt	Bao dây đốt 150mm * 250mm		Cái	1	
14	Bao khoan điện	Bao khoan điện 220cm, có vòng nhựa		Cái	1	
15	Gel siêu âm	Gel dùng trong siêu âm		Bình	1	
16	Giấy ghi kết quả đo điện tim	Giấy điện tim 6 cần, kích thước 110mm x 140mm x 200sh		Xấp	1	
17	Giấy ghi kết quả đo điện tim	Giấy ghi kết quả đo điện tim 3 cần, kích thước 50mm-80mm x 30m		Cuộn	1	
18	Dung dịch tẩy rửa và làm sạch dụng cụ y tế	Thành phần có chứa Ortho-Phthalaldehyde 0,55%, dung tích >=3,78 lít. CIDEX OPA hoặc tương đương		Can	1	
19	Dung dịch tẩy rửa và làm sạch dụng cụ y tế	Dung dịch tẩy rửa có hoạt tính enzyme làm sạch dụng cụ trước khi đưa đi khử khuẩn hoặc tiệt khuẩn, dung tích >= 1 lít. CIDEZYME hoặc tương đương		Chai	1	
20	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong thủ thuật, phẫu thuật	Thành phần chứa Chlorhexidine gluconate 4,0 %, chai dung tích >= 1 lít		Chai	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
21	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt, chứa Didecyl dimethyl ammonium chloride 0,05%, chai >=1000ml		Chai	1	
22	Viên sát khuẩn	Viên sát khuẩn chứa Natri Dichlorosocyanurate khan 50%. Viên Presept 2,5gr hoặc tương đương		Viên	1	
23	Gel bôi trơn dùng trong y tế	Gel bôi trơn dùng trong y tế để thực hiện thủ thuật nội soi, đặt sond…; tuýp >=82g		tuýp	1	
24	Bộ dung dịch soi nhuộm Gram 4 thành phần: Crystal, Lugol, Alcohol, Safranine	Bộ dung dịch soi nhuộm Gram 4 thành phần: Crystal, Lugol, Alcohol, Safranine; bộ 4 chai 100ml		Bộ	1	
Danh mục 20: Hóa chất, vật tư sử dụng tương thích với Hệ thống Realtime PCR AriaDx - Malaysia và Hệ thống tách chiết DNA/RNA tự động MAELSTROM 9600 - Taiwan						
1	Bộ kit sử dụng cho tách chiết DNA/RNA virus từ mẫu huyết thanh, huyết tương, huyễn dịch (huyền phù), mẫu quét bề mặt, mẫu dịch phết (y tế) và tế bào vi khuẩn gram âm	Bộ kit sử dụng cho tách chiết DNA/RNA virus từ mẫu huyết thanh, huyết tương, huyễn dịch (huyền phù), mẫu quét bề mặt, mẫu dịch phết (y tế) và tế bào vi khuẩn gram âm		Test	1	
2	Định lượng chính xác nồng độ virus HBV. Thành phần: HBV qPCR mix, chứng âm, đường chuẩn, chứng nội, tubes	Định lượng chính xác nồng độ virus HBV. Thành phần: HBV qPCR mix, chứng âm, đường chuẩn, chứng nội, tubes		Test	1	
3	Định lượng chính xác nồng độ virus HCV. Thành phần: HCV One-step RT-qPCR mix, chứng âm, đường chuẩn, chứng nội, tubes	Định lượng chính xác nồng độ virus HCV. Thành phần: HCV One-step RT-qPCR mix, chứng âm, đường chuẩn, chứng nội, tubes		Test	1	
4	Đầu côn có lọc 10ul	Đầu côn có lọc 10ul, hộp 96 tip		Hộp	1	
5	Đầu côn có lọc 20 ul	Đầu côn có lọc 20 ul, hộp 96 tip		Hộp	1	
6	Đầu côn có lọc 100ul	Đầu côn có lọc 100ul, hộp 96 tip		Hộp	1	
7	Đầu côn có lọc 200ul	Đầu côn có lọc 200ul, hộp 96 tip		Hộp	1	
8	Đầu côn có lọc 1000 ul	Đầu côn có lọc 1000 ul, hộp 96 tip		Hộp	1	
9	Ống nghiệm trắng	Ống nghiệm trắng		Cái	1	
Danh mục 21: Huyết thanh định nhóm máu						
1	Huyết thanh định nhóm máu A	Huyết thanh định nhóm máu A, lọ >=10ml		Lọ	1	
2	Huyết thanh định nhóm máu B	Huyết thanh định nhóm máu B, lọ >=10ml		Lọ	1	
3	Huyết thanh định nhóm máu AB	Huyết thanh định nhóm máu AB, lọ >=10ml		Lọ	1	
4	Huyết thanh định nhóm máu D (IgM)	Huyết thanh định nhóm máu D (IgM), lọ >=10ml		Lọ	1	